

Số: 916 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 28 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 949/TTr-SVHTTDL ngày 14 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ Điều 1 Quyết định này, có trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính bảo đảm các quy định liên quan đến số hóa hồ sơ, giao dịch điện tử theo quy định;

2. Tổ chức tập huấn, hướng dẫn sâu, kỹ cho Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm chất lượng, hiệu quả và đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, PCT Nguyễn Long Biên;
- VPUB: LĐ, KGVX, PVHCC;
- Trung tâm CB&CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, CT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Biên

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

(Kèm theo Quyết định số 916 /QĐ-UBND ngày 28 /8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH				
I	LĨNH VỰC VĂN HÓA				
1	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích Mã TTHC: 1.001822 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 06 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Di sản văn hóa. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích Mã TTHC: 1.002003 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 07 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích Mã TTHC: 1.003901 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 08 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Di sản văn hóa. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. - Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 142/2018/NĐ-CP ngày 09/10/2018 của Chính phủ.
4	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích Mã TTHC: 2.001641 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 09 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
5	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng rôn Mã TTHC: 1.004650 (Sửa đổi, bổ sung	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ	Không	- Luật Quảng cáo. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 13/2023/TT-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<i>TTHC số thứ tự 01 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3143/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>		hành chính công cấp xã		BVHTTDL ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 35/2018/TT- BVHTTDL ngày 19/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 3808/QĐ- BVHTTDL ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 268/QĐ- UBND ngày 08/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. - Quyết định số 3143/QĐ- UBND ngày 20/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
6	Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo Mã TTHC: 1.004645 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 37 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của Chủ tịch	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Quảng cáo. - Quyết định số 3684/QĐ- BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 268/QĐ- UBND ngày 08/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<i>Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>				
7	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương) Mã TTHC: 1.009397 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 28 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Độ dài thời gian của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật: - Đến 50 phút: 1.500.000 (đồng/chương trình, vở diễn) - Từ 51 đến 100 phút: 2.000.000 (đồng/chương trình, vở diễn) - Từ 101 đến 150 phút: 3.000.000 (đồng/chương trình, vở diễn) - Từ 151 đến 200 phút: 3.500.000 (đồng/chương trình, vở diễn)	- Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 288/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. - Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				Từ 201 phút trở lên: 5.000.000 (đồng/chương trình, vở diễn)	
II	LĨNH VỰC THỂ THAO				
8	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga Mã TTHC: 1.000953 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 05 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Đối với thực hiện giao dịch trực tiếp, mức thu: 500.000đ/giấy chứng nhận; - Đối với hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên môi trường mạng: Miễn 100% mức thu phí.	- Luật Thể dục, thể thao và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 11/2016/TT-BVHTTDL ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 775/QĐ-BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
9	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn Mã TTHC: 1.000883 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 10 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Đối với thực hiện giao dịch trực tiếp, mức thu: 500.000đ/giấy chứng nhận; - Đối với hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên môi trường mạng: Miễn 100% mức thu phí.	- Luật Thể dục, thể thao và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2018/TT-BVHTTDL ngày 19/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 3955/QĐ-BVHTTDL ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh. - Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh. - Quyết định số 775/QĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					BVHTTDL ngày 28/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
10	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness Mã TTHC: 1.005163 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 17 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1761/QĐ-UBND ngày 04/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Đối với thực hiện giao dịch trực tiếp, mức thu: 500.000đ/giấy chứng nhận; - Đối với hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến trên môi trường mạng: Miễn 100% mức thu phí.	- Luật Thể dục, thể thao và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao. - Luật Phí và lệ phí. - Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29/4/2019 của Chính phủ. - Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 15/3/2024 của Chính phủ. - Thông tư số 10/2018/TT-BVHTTDL ngày 31/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 3955/QĐ-BVHTTDL ngày 09/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Hội đồng nhân dân tỉnh. - Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 11/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh. - Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
III	LĨNH VỰC DU LỊCH				
11	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa Mã TTHC: 2.001628 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	1.500.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
12	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa Mã TTHC: 2.001616 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 02 Danh mục ban hành	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp	750.000 đồng/giấy phép	- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<i>kèm theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>		xã		của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 2302/QĐ-BVHTTDL ngày 02/7/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
13	Thủ tục cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa Mã TTHC: 2.001622 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 03 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	1.000.000 đồng/giấy phép.	- Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
14	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm Mã TTHC: 1.001440 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 04 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>	10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm tra	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	100.000 đồng/thẻ	- Luật Du lịch. - Luật Cư trú. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
15	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế Mã TTHC: 1.004628 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 05 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	325.000 đồng/thẻ.	- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 2302/QĐ-BVHTTDL ngày 02/7/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
16	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa Mã TTHC: 1.004623 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 06 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	325.000 đồng/thẻ	- Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
17	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa Mã TTHC: 1.001432 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 07 Danh mục ban hành)	10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	325.000 đồng/thẻ	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<i>kèm theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>				
18	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch Mã TTHC: 1.004614 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 08 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- 325.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa - 100.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	- Luật Du lịch. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 2302/QĐ-BVHTTDL ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
IV	LĨNH VỰC THÔNG TIN, BÁO CHÍ, XUẤT BẢN				
19	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh Mã TTHC: 1.003868 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 09 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sờ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: Phí thẩm định nội dung tài liệu để cấp giấy phép: + Tài liệu in trên giấy: 7.500 đồng/trang quy chuẩn; + Tài liệu điện tử dưới dạng đọc: 3.000 đồng/phút; + Tài liệu điện tử dưới dạng nghe, nhìn: 13.500	- Luật Xuất bản; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. - Quyết định số 2302/QĐ-BVHTTDL ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa,

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí đồng/phút.	Căn cứ pháp lý
					Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
20	Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh Mã TTHC: 1.003725 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 10 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 25.000 đồng/hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	- Luật Xuất bản; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. - Quyết định số 2302/QĐ-BVHTTDL ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					- Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 17/7/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
21	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng. Mã thủ tục: 1.002001 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 03 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ. - Quyết định số 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
22	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng Mã thủ tục: 1.004508 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 04 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
23	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Mã thủ tục: 2.001098 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 05 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ. - Quyết định số 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
24	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Mã thủ tục: 1.005452 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 06 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	
25	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Mã thủ tục: 2.001091 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 07	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ	Không	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<i>Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>		hành chính công cấp xã		
26	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp. Mã thủ tục: 2.001087 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 08 <i>Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	
27	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng. Mã thủ tục: 1.001976 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 09 <i>Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
28	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng. Mã thủ tục: 2.002738 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 10 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	
29	Cấp lại giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng. Mã thủ tục: 1.001988 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 11 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	
30	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du	Không	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Mã thủ tục: 2.002739 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 12 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)		lich) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		
31	Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng. Mã thủ tục: 2.002740 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 13 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	
32	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương) Mã thủ tục: 1.009374 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 14 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Báo chí; - Thông tư số 41/2020/TT-BTTTT ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. - Quyết định số 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa,

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)				Thẻ thao và Du lịch. - Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
33	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương) Mã thủ tục: 1.009386 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 15 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thẻ thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	
34	Cho phép hợp báo (trong nước) Mã thủ tục: 2.001171 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 16 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	Không quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thẻ thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Báo chí ngày 05/4/2016; - Quyết định số 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025 của Bộ Văn hóa, Thẻ thao và Du lịch. - Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
35	Cho phép hợp báo (nước ngoài) Mã thủ tục: 2.001173 (Sửa đổi, bổ sung	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thẻ thao và Du	Không	- Luật Báo chí; - Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/12/2012 của Chính phủ;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<i>TTHC số thứ tự 17 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>		lich) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		- Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. - Quyết định số 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
36	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm Mã thủ tục: 2.001594 (Sửa đổi, bổ sung <i>TTHC số thứ tự 19 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lich) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Xuất bản; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 150/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. - Quyết định số 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
37	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm Mã thủ tục: 2.001584 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 20 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Xuất bản; - Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2020/TT-BTTTT ngày 07/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông. - Thông tư số 23/2023/TT-BTTTT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.
38	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm Mã thủ tục: 1.003729 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 21 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Quyết định số 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)				UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
39	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài Mã thủ tục: 2.001564 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 22 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	
40	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm Mã thủ tục: 1.003483 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 23 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	
41	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm Mã thủ tục: 1.003114	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du	Không	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 24 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>		lich) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		
42	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm Mã thủ tục: 1.008201 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 25 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	
43	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương) Mã thủ tục: 1.003888 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 31 Danh mục ban hành</i>	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Không	- Nghị định số 88/2012/NĐ-CP ngày 23/10/2012 của Chính phủ. - Thông tư số 04/2014/TT-BTTTT ngày 19/3/2014. - Quyết định số 682/QĐ-BVHTTDL ngày 14/3/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<i>kèm theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>				- Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ				
I	LĨNH VỰC VĂN HÓA				
44	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã Mã TTHC: 1.013791 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 20 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ. - Quyết định số 2069/QĐ-BVHTTDL ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
45	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã Mã TTHC: 1.003622 (Sửa đổi, bổ sung	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du	Không	- Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<i>TTHC số thứ tự 20 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>		lich) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã		- Quyết định số 3978/QĐ- BVHTTDL ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 181/QĐ- UBND ngày 19/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
46	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã Mã TTHC: 1.012084 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 01 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày 13/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị cấm tiếp xúc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. - Nghị định số 76/2023/NĐ- CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ. - Quyết định số 3657/QĐ- BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
47	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc Mã TTHC: 1.012085 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 02 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 3088/QĐ-UBND ngày	12 giờ kể từ khi nhận được đơn đề nghị hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Quyết định số 3088/QĐ- UBND ngày 13/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<i>13/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>				
48	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng Mã TTHC: 1.013792 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 21 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09/11/2024 của Chính phủ. - Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. - Quyết định số 2069/QĐ-BVHTTDL ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
49	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng Mã TTHC: 1.013793 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 22 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<i>ban nhân dân tỉnh)</i>				
50	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng Mã TTHC: 1.013794 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 23 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	
51	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng Mã TTHC: 1.013795 <i>(Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 24 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1846/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)</i>	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	
II	LĨNH VỰC THỂ THAO				

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
52	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở Mã TTHC: 2.000794 (Sửa đổi, bổ sung TTHC số thứ tự 7 Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh (Quầy Tiếp nhận và Trả kết quả) - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Quầy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không	- Luật Thể dục, thể thao. - Nghị định số 112/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ. - Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 3978/QĐ-BVHTTDL ngày 21/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Quyết định số 181/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.